



# BÊN DÒNG ĐỜI.

Mũ Xanh Tango

Những chiếc lá vàng lần lượt rủ nhau ra đi theo từng cơn heo may lạnh lạnh thổi về, cánh rừng thu buồn bã ở lại chờ hứng chịu bao thách thức của mùa Đông khắc nghiệt sắp đến. Không biết bao mùa Đông đã trôi qua, bên khung cửa sổ vắng vẻ này có người lính già trầm ngâm theo dõi từng đoản khúc của dòng đời qua các “giai điệu” của bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Bỗng giật mình nhìn lại, ông thấy mình đang đứng trước “làn ranh cõi về” không xa lắm. Quá khứ với biết bao kỷ niệm buồn, vui, tủi, nhục lại hiện về: hai mươi năm “chiến trận”, mười ba năm tù Cộng Sản (CS) thêm bốn năm quản chế, hơn hai mươi lăm năm lưu vong mưu sinh nơi xứ người, canh cánh bên lòng nỗi nhớ quê hương khôn nguôi.

Đứng trước hoàng hôn của cuộc đời, những ai đã từng là “lính” mà không chạnh lòng nhớ về bao năm tháng cũ, một thuở hào hùng, một thời ba lô súng trận làm hành trang vượt qua biết bao miền đất nước để bảo vệ dân, giữ gìn lãnh thổ. Bao chiến hữu đã vĩnh viễn ra đi trước hay sau Ba Mươi Tháng Tư Đen, những người còn lại nay lưu lạc khắp bốn phương trời hoặc đang sống những ngày cuối đời âm thầm, tủi nhục nơi quê nhà dưới chính sách kỳ thị của

Cộng Sản. Ôi muôn vàn đau xót!

Nhiều lúc ông muốn quên đi quá khứ của mình đã từng gắn liền với chiến tranh, tù đày: chiến tranh, tù đày đâu có gì là vui và hạnh phúc. Tuy nhiên ông cũng muốn công bằng với quá khứ: quá khứ có tốt có vui và cũng có xấu có buồn. Thông thường “tốt và vui” thì được trân trọng, nâng niu, nhắc nhở đến nhiều hơn, còn “xấu và buồn” thì muốn khép kín thay vì phải suy gẫm, cùng nhau rút tia kinh nghiệm để cho thế hệ con em sau này thấy và hiểu được hậu tránh đi vào vết xe đổ.

Các bậc “lão thành” một thời “súng gươm” xông xáo nơi trận mạc, giờ lại ngại ngùng đến bên nhau trong niềm thông cảm, chưa quên được “mặc cảm ê chề” đối với cuộc chiến “bị đánh lừa và bức tử” xuất phát từ chiến lược ngộ nghĩnh, nếu không muốn nói là trịch thượng, của Nhà Trắng: “Đánh mà không được thắng, phản bội đồng minh mà gọi là ra đi trong danh dự”, để thành tâm xây dựng tinh thần “Ôn cố tri tân”. Nhưng tất cả đã quá muộn rồi. Giờ đây mọi người đang ở vào cái tuổi mà khi nằm xuống sẽ được đời xếp vào hàng “thượng thọ”. Sức đã mòn, lực đã kiệt!..Người lính già cứ để mặc cho đời dòng lệ ầm ầm dài trên má nhăn

## Thủy Quân Lục Chiến

neho mà bê bàng thăm hỏi:

-“Lớp người trẻ đang mong đợi ngọn đuốc sáng nào, thông điệp đáng tin cậy nào ở bậc cha ông”?

Ông thở dài! Qua khung cửa sổ, xa xa lá vàng vẫn đang tiếp tục chia tay với rừng.

### **Đổi Đời.**

Ngày anh em TQLC chúng ta lui về tử thủ trong Căn Cứ Sóng Thần (Thủ Đức) rồi chia tay nhau lần cuối nơi đây, ngày 30-4-75, cũng là ngày bắt đầu cuộc đổi đời của toàn thể nhân dân Miền Nam. Trong tình cảm đối với anh em, tôi không bao giờ quên ngày ấy và xin ghi lại nơi đây vài kỷ niệm có thể được coi như “buồn chứ không vui đời lính TQLC”. Tôi xin được nhắc lại những câu nói ngắn ngủi “tiêu biểu” hay nổi xúc động của các anh em có mặt hôm đó, để cho thấy dù thời gian vô tận hay không gian cách trở nào, những âm thanh và hình ảnh đó vẫn là tim, là máu, là hơi thở của bản thân tôi.

Tôi nhớ giọng trầm buồn của Trung Tá Hoàng Ngọc Bảo, Tham Mưu Phó Hành Quân Tiếp Vận Sư Đoàn kiêm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn Truyền Tin:

-“Trình Đại Tá, mình bị đầu hàng rồi”

(Đại ý anh muốn tóm tắt lời tuyên bố của Tổng Thống Dương Văn Minh đã ra lệnh cho Quân Đội VNCH ngưng nổ súng, ở tại chỗ, chờ cái gọi là Lực Lượng Giải Phóng đến bàn giao).

Tôi nhớ Trung Tá Nguyễn Đăng Tổng, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 468/TQLC (LĐT/LĐ468/TQLC), trong tiếng nghẹn ngào nức nở đã thốt lên:

-“Tại sao mình như vậy mà phải chịu thua thằng Việt Cộng? Thật là nhục!”

Tôi nhớ Thiếu Tá Tô Văn Cấp, Trung Tâm Hành Quân Sư Đoàn, đã nói với một toán nhỏ tân binh đang đi về hướng công trại sau khi họ nghe Tổng Thống Dương Văn Minh tuyên bố “bàn giao” cho VC:

-“Sao các anh em tự động bỏ tuyến phòng thủ mà đi ra công vậy? Đại Tá Tư Lệnh Phó còn ngồi đây mà”.

Tôi cảm động vì không riêng gì Thiếu Tá Cấp mà tất cả các cấp chỉ huy TQLC đều thấy mình vẫn còn có trách nhiệm chung trong giờ phút đau buồn tuyệt vọng ấy. Trong phòng họp, tất cả như rơi vào tĩnh lặng, một sự tĩnh lặng rợn người trong không gian vương màu tang tóc của Ba Mươi Tháng Tư Đen.

Tôi không thể quên đôi mắt đỏ hoe của Trung Tá Nguyễn Đăng Hoà, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu 8 TQLC (TĐT/TĐ8/TQLC), của Thiếu Tá Trần Văn Hợp, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 TQLC (TĐT/TĐ2/TQLC) và những gương mặt ngấn ngò, buồn bã của bao anh em khác đang hiện diện trong phòng họp tại Bộ Chỉ Huy Căn Cứ Sóng Thần (CCST). Lúc bấy giờ, về phía Đông CCST khoảng ba trăm thước, một đơn vị chiến xa giương cờ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (MTGPMN) đang bố trí hướng về Căn Cứ như hăm he, thách thức. Có ai biết đâu Trung Úy Nguyễn Kha Lạt vẫn còn đang chỉ huy một số anh em tân binh với súng trường XM16, phòng thủ bên trong công hướng về đơn vị chiến xa địch cho đến khi tôi bảo:

-“Thôi cho các anh em về đi”.

Đáng thương ở chỗ là với súng trường XM16 thì làm ta sao ngăn nổi chiến xa địch, nhưng anh em vẫn còn ở đó, và đó mới là điều đáng nói.

Và làm sao chúng ta không đau lòng khi biết anh em thương bệnh binh được Bác Sĩ Trần Công Hiệp cho phép rời Bệnh Viện Lê Hữu Sanh khoảng trưa hôm đó. Họ cõng nhau, dìu nhau hay ngồi xe lăn ra đi, dù không biết sẽ đi đâu, về đâu, chỉ vì không muốn bị VC sỉ nhục khi chúng vào chiếm Bệnh Viện.

Tôi biết ơn các Bác Sĩ Quân Y TQLC thuộc các đơn vị chiến đấu cũng như các Bác

Sĩ của Bệnh Viện Lê Hữu Sanh và các anh chị em y tá đã âm thầm, kiên nhẫn, tiếp tục làm tròn nhiệm vụ “lượng y như từ mẫu” của mình cho đến giờ phút cuối.

Tôi cảm phục các anh em thuộc 2 Lữ Đoàn 258 và 468/TQLC kể cả Pháo Binh, vào thời điểm Xuân Lộc đã “bỏ ngõ”, vẫn tiếp tục chiến đấu anh dũng trong tinh thần kỷ luật cao cho đến giờ “tàn cuộc” ở mặt trận phía Đông Biên Hoà, đặc biệt tại khu vực Hồ Nai và ngã ba Thái Lan. Các anh em đã hứng chịu bao lần tên mũi đạn, “đội mưa pháo”, bám tuyến, giữ từng tấc đất còn lại trên khu vực trách nhiệm trước kẻ thù hung hãn đang tiến quân như vũ bão.

Không phải chúng ta không ý thức được một cách khách quan rằng, dựa trên tình hình chiến sự và chính trị, “Miền Nam chúng ta đang thua và sẽ thua”, nhưng chúng ta không muốn để mất đi niềm hãnh diện đứng trước câu phương châm: “**Tổ Quốc-Danh Dự-Trách Nhiệm**”, và chúng ta đã làm tròn nhiệm vụ của người quân nhân cho đến thời điểm có “lệnh buông súng”.

Trong đời chắc không có cuộc chia tay nào nào lòng hơn, sự mất mát nào to lớn hơn như trong Ngày 30 Tháng Tư Đen ấy, ngày “đổi đời” của toàn thể nhân dân Miền Nam nói chung.

### **Đời Tù.**

Sau 30 Tháng Tư đen, các sĩ quan đều phải chịu cảnh tù đày mà VC đã dùng mỹ từ “học tập cải tạo” để gọi. Năm đầu, kể từ giữa tháng 6-1975, khoảng trên 300 đại tá được tập trung về trại Long Giao, trại này trước đó là doanh trại của một trung đoàn thuộc Sư Đoàn 18 Bộ Binh.

Một hôm, có một phái đoàn từ “Trung Ương” xuống thăm và muốn gặp một số sĩ quan cấp đại tá mà họ đã chọn tên trước khoảng 12 người, trong đó có các Đại Tá Lê Ngọc Hy (Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn I

Tiền Phương), Phạm Văn Phô (Trưởng Phòng 2 Quân Đoàn 1 Tiền Phương), Nguyễn Xuân Hùng, Nguyễn Xuân Dung (Tur Lệnh và Tur Lệnh Phó Lữ Đoàn LĐ1KB), Hoàng Tích Thông (Tur Lệnh Phó Sư Đoàn 2 Bộ Binh, nguyên Đ/Tá Thông trước đây cũng thuộc Binh Chung TQLC), các Đại Tá TQLC Nguyễn Thế Lương (Lữ Đoàn Trưởng LĐ147), Nguyễn Năng Bảo (Lữ Đoàn Trưởng LĐ258) và tôi, Nguyễn Thành Trí (Tur Lệnh Phó Sư Đoàn TQLC), rất tiếc những người còn lại tôi không nhớ tên. Một người có vẻ cao cấp nhất trong phái đoàn (họ không mang quân hàm nên không rõ cấp gì) hỏi tên từng anh em chúng tôi, khi đến lượt tôi thì người này nhìn thẳng vào mắt tôi và dẫn từng tiếng:

-“Anh là Sư Phó Lính Thủy Đánh Bộ đã chỉ huy trận lần chiếm Cửa Việt đấy à? Nếu không có chính sách khoan hồng của Cách Mạng, thì anh đã bị đưa ra ngoài Cửa Việt để lập Toà Án Nhân Dân xét xử. Anh có biết bom đạn các anh đã giết bao nhiêu ngàn nhân dân vô tội trên Cửa Việt không?” (sic).

Tôi thấy không cần thiết phải tranh luận với anh ta, người đang huênh hoang trong men say chiến thắng nhưng chưa thể hiểu nổi chiến thắng đó chỉ là một “giải pháp có sẵn”, đã được giàn xếp bởi các thế lực Quốc Tế để bức tử Miền Nam Việt Nam. Tôi đã giữ im lặng nhưng cười thầm trong bụng vì từ lâu rồi, sau trận Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972, Cửa Việt làm gì còn dân chúng, chỉ có Trung Đoàn CSBV101, các đơn vị của Sư Đoàn CSBV 320B, Trung Đoàn CSBV 202 (-) Chiến Xa, Căn Cứ Hải Quân do Cộng Sản đang chiếm đóng và nhiều đơn vị địa phương từ Gio Linh, Cam Lộ đến tăng cường.

Khoảng 6 tháng sau, các đại tá từ trại Long Giao được chuyển về trại Tân Hiệp, Biên Hoà. Đến ngày 15 tháng 6 năm 1976, các đại tá nói trên được chuyển ra Yên Bái ngoài Bắc bằng

## Thủy Quân Lục Chiến

phi cơ C.130. Trong số Đại Tá TQLC có các anh Nguyễn Thế Lương, Nguyễn Năng Bảo, Hoàng Tích Thông và tôi.

Yên Bái có 6 liên trại, mỗi liên trại có 3 trại, do bộ đội thuộc Đoàn 776 chỉ huy thống nhất. Chúng tôi thuộc Trại 1, Liên Trại 1, sau thời gian ngắn thì chuyển qua Trại 2, Liên Trại 1, còn gọi là Trại Cốc (vì nó ở tận thâm sơn cùng cốc).

Trong những ngày lao động bên ngoài, thỉnh thoảng tôi gặp các anh em TQLC di chuyển ngược chiều theo đội hình hàng dọc trên những con đường mòn nhỏ ven đồi hay ven suối. Chúng tôi nhìn nhau, trao nhau đôi câu chào mà lòng buồn buồn, tủi tủi. Một hôm, tôi nhớ không lầm là vào hạ tuần tháng 9 năm 1977, tôi gặp đội tù đi ngược chiều với đội của tôi phía bên kia bờ suối chảy qua trước trại của chúng tôi. Đang di chuyển, tôi nghe tiếng ai đó từ bên kia suối:

-“Đại Tá khỏe không?”

Nhìn lên, tôi thấy Thiếu Tá Hợp đang gật đầu chào. Hợp đội chiếc mũ vải có hai miếng che tai, mặc áo bông do trại cấp, vì lúc đó dù trời đang giữa Thu nhưng khá lạnh vào buổi sáng. Tôi đáp:

-“Khỏe, cảm ơn. Còn anh em nào của mình không?”

Hợp nói:

-“Dạ! Có anh Thuận Pháo Binh đi phía sau”.

Chỉ trao đổi với nhau đôi câu ngắn ngủi để rồi chiều hôm ấy tôi được tin có 8 người bị trúng độc trong đó có 6 người chết vì ăn trái “huốc”. Người quản giáo nhắc nhở đội chúng tôi đừng bao giờ ăn những trái trên rừng mà mình không biết là trái gì. Người địa phương có câu: “Ăn trái huốc, vác cuốc ra đồng”. Về sau tôi được biết trong số những người chết do trúng độc có Trần Văn Hợp.

Tôi buồn vì đã mất đi một đàn em hiền lành, dễ thương, trước đây đã từng là một Tiểu

Đoàn Trưởng giỏi trong Binh Chung. Hình ảnh và âm thanh giọng nói cuối cùng của Hợp bên con suối ấy vẫn còn được lưu giữ mãi cho đến hôm nay, trong tim óc tôi.

Tháng 4 năm 1978, có lẽ Đoàn 776 bắt đầu thực hiện kế hoạch thu hẹp và giảm dần các trại tù ngoài Yên Bái, chúng tôi được chuyển về trại tù Nam Hà (Z25A-T63/NH) do Công An quản lý. Sau đó ít lâu thì có những đợt tù từ các nơi khác được tiếp tục chuyển tới. Tại đây tôi gặp lại Đại Tá Tôn Thất Soạn (nguyên trước thuộc Binh Chung Thủy Quân Lục Chiến, đến cuối năm 1973 thì ông đi làm Tỉnh Trưởng Tỉnh Hậu Nghĩa cho đến 30-4-75). Lâu ngày gặp nhau chúng tôi vui mừng.

Đại Tá Soạn cũng đã từng là cấp chỉ huy cũ của tôi. Ông ta hiền lành, được các cấp quý mến. Ông luôn bình tĩnh, can đảm khi đụng trận, và thân mật, vui vẻ trong giao tiếp với mọi người. Thỉnh thoảng có anh em binh sĩ nào đó làm điều gì sai quấy khiến cho ông nổi giận, ông chỉ mắng cho hai tiếng “con khi” rồi bỏ đi.

Trong thời gian ở trại A Nam Hà, tôi cũng được gặp nhiều anh em khác như các anh Trung Tá Đoàn Thức (đang bị ung thư gan), Nguyễn Hữu Cát (đang bị bệnh tim nặng), Nguyễn Văn Đã, Lê Văn Hiền, Thiếu Tá Lâm Tài Thạnh (bị hư một con mắt do mảnh kẽm gai văng trúng trong khi lao động), Đại Úy Mai Văn Tấn v.v.. Dù trong hoàn cảnh nào, anh em chúng tôi vẫn nêu cao tinh đồng đội và giữ gìn “tiếng thơm” cho Binh Chung. Đó là niềm hãnh diện chung cho những ai đã từng mang danh “Cọp Biển”.

Nhắc đến Trại A Nam Hà mà không kể lại chuyện Đại Úy TQLC Mai Văn Tấn, “người về từ cõi chết” sau khi bị 3 tháng cùm chân và 2 năm kiên giam trong phòng tối nơi trại Mễ, Phủ Lý, là một sự thiếu sót lớn.

Nguyên nhân sự việc xảy ra là vào khoảng giữa năm 1980, trong một buổi Chúa Nhật tù



nhân được nghỉ lao động như thường lệ, công an tên Lực, người được coi như hay “gây sự” với tù nhân nhiều nhất trong nhiệm vụ an ninh và trực ban của trại, đi kiểm soát sinh hoạt của tù để ngăn bắt những ai làm điều gì mà y cho là vi phạm nội quy. Không may lúc đó Trung Tá Huệ (Bộ Tổng Tham Mưu) tù cải tạo, sang buồng kể bên chơi nên bị tên Lực bắt dẫn lên phòng trực trại. Công an Lực vốn phách lối, vũ phu, quen thói đối xử với các tù hình sự, đã xông vào đánh Trung Tá Huệ (có lẽ Trung Tá Huệ đã có cái vĩa gì đó với Lực). Anh em có mặt tại chỗ đã la ó phản đối khiến Lực phải ngừng tay và sau đó thả anh Huệ về lại đội.

Sáng hôm sau Thứ Hai, trong lúc tù nhân tập hợp ngoài sân trại để chuẩn bị diêm danh từng đội xuất trại đi lao động, một số anh em tù lên tiếng yêu cầu Trại Trưởng là Trung Úy Công An tên Huy, phải giải quyết về việc công an đánh Trung Tá Huệ một cách vô lý hôm qua. Trưởng trại yêu cầu anh em hãy đi lao động và hứa việc công an đánh tù sẽ được giải quyết sau. Công an tên Thịnh trực ban bắt đầu gọi tên từng đội tù được đánh số theo thứ tự để xuất trại đi lao động. Đội đầu tiên do Đại Tá Nguyễn Hữu Mai làm Đội Trưởng được gọi, đội này vừa đứng dậy thì như một “mệnh lệnh cần kíp”, không được chậm trễ, tiếng Mai Văn Tấn hô to:

-“Ngồi xuống, ngồi xuống”!

Nhiều tiếng “phụ họa” từ Đội 20 và 29 hô theo:

-“Không giải quyết thì không lao động” (Đội 20 và 29 là hai Đội có nhiều người trẻ), các đội khác thì “xì xào”, bàn tán, không khí có vẻ căng thẳng. Việc gọi đi lao động ngưng lại và sau khi có chỉ thị của Trưởng Trại, công an Thịnh cho lệnh các đội nghỉ lao động và phải trở về buồng mình, dĩ nhiên công an trực sau đó đi khóa cửa từng buồng lại.

Cách giải quyết trên cho thấy họ (ban chỉ huy trại) rất “ngại” về các vụ gây xáo trộn, làm

reo có thể dẫn đến tuyệt thực hoặc gây bạo loạn đánh những tên làm “ăn ten” cho trại. Họ sợ sức mạnh của số đông đoàn kết, nên thường áp dụng chiến thuật “lúc nhu lúc cương” để nghiên cứu đường lối “phục thù”.

Quả vậy, sáng hôm sau, từ các đội 20 và 29 họ lọc ra những anh em mà họ cho là thành phần có hành động chống lại chính sách cải tạo, để thành lập một đội riêng biệt và chuyển đội này từ trại A qua trại B, phía sau trại A chừng 400 thước. Đội “chống lao động” này lại có dịp nhen nhúm “lửa đấu tranh” cho tù bên trại B, do đó chỉ một tháng sau, khi tình trạng căng thẳng nơi trại A tạm lắng dịu, thì họ chuyển đội “chống lao động” từ trại B đi trại Mễ, Phủ Lý, để áp dụng hình phạt nặng nề hơn: cùm và kiên giam. Dĩ nhiên Tấn nằm trong thành phần bị cùm 3 tháng và kiên giam 2 năm.

Khoảng tháng 10-1982, nghĩa là sau 2 năm 4 tháng (kể cả 1 tháng ở Trại B), Tấn cùng một số anh em bị giam từ trại Mễ, Phủ Lý, được cho về lại Trại A Nam Hà. Ngày đầu tiên về đến trại, Tấn đến buồng 2 để thăm tôi. Nhìn Tấn mà tôi ứa nước mắt. Tấn lê từng bước liêu xiêu chậm chạp, yếu đuối, phải nói đó là bộ xương biết di động. Nước da Tấn xanh như tàu lá chuối non không hơn không kém, giọng nói đứt quãng từng lúc, Tấn héo hắt cười. Tôi mang cho Tấn một ca canh bí để “bồi dưỡng”. Tôi chỉ được thăm nuôi có một lần năm 1980, nên không còn gì có “chất lượng” (chữ VC) hơn, còn ca canh bí là của Đại Tá Thiệu cho tôi để “bồi dưỡng”. Tấn có nhiều bạn đồng tù thương mến nên cũng được sự giúp đỡ trong lúc khó khăn, và lần lần sức khỏe cũng được hồi phục.

Tôi cũng được biết thêm là trong số các anh em bị cùm và kiên giam tại trại Mễ, Phủ Lý, cùng đợt đó có 6 người chết gồm Trung Tá Trọng (Không Quân), Thiếu Tá An (Lực

## Thủy Quân Lục Chiến

Lượng Đặc Biệt), Đại Úy Sanh (Địa Phương Quân), Trung Úy Hồng (Pháo Binh), Thiếu Úy Vương Khai Quân (Cảnh Sát) và Trung Sĩ Định (KQ hoạt động Phục Quốc). Ngoài ra còn hai anh khác, tên Nam và Đoàn thuộc thành phần Phục Quốc, tuy chưa chết nhưng kiệt sức không còn đi đứng được, chỉ bò lết khi muốn di chuyển.

Đó là biện pháp kỷ luật mang tích cách trả thù hơn là “giáo hóa” của công an đối với tù nhân thuộc chế độ VNCH. Phương tiện là những buồng kiên giam nhỏ hẹp được trang bị các loại cùm hai chân bằng các vòng sắt hình chữ U có thanh sắt dài xỏ ngang xuyên thông qua tường để khóa phía bên ngoài. Khi bị cùm hai chân, tù nhân bị giữ trong tư thế chỉ được ngồi hoặc nằm, ăn uống và giải quyết vấn đề vệ sinh tại chỗ trong một cái xô nhỏ. Cái không gian tối tăm, chật hẹp, thiếu không khí và vệ sinh của những phòng kiên giam mà tù nhân chỉ được cho ra ngoài tắm rửa từ 1 đến 3 tháng một lần (trường hợp như trại Mễ, Phủ Lý), đã là những nơi tử thần cướp đi hàng ngàn sinh mạng của tù nhân thuộc chế độ Miền Nam cũ trong các trại giam từ Nam ra Bắc. Đó là chưa kể tù nhân bị điều tra, hành hạ, đánh đập cho đến chết rồi thủ phạm treo cổ nạn nhân để phao tin nạn nhân tự tử như trường hợp của Đại Tá Nguyễn Phương Thành, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 12, Sư Đoàn 7 Bộ Binh, trốn trại bị bắt lại tại Yên Bái (cùng nhóm trốn trại với ĐT Thành có các ĐT Giáo Sư Đỗ Trọng Huề, Phụ Tá Văn Hóa cho Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, Võ Quế, Không Quân và Nguyễn Văn Thi, Pháo Binh), hoặc trường hợp của Thiếu Tá Trần Hàng, Trưởng Ty Cảnh Sát Quảng Tín, bị công an trại A Nam Hà nhốt điều tra vì họ tình nghi anh giấu chiếc radio nhỏ để nghe tin tức Đài BBC mỗi đêm, sau đó vài hôm thì công an trại phao tin anh tự tử chết v.v..

Ngày 24-4-1983, một số tù các cấp được

chuyên vào Nam bằng đường tàu hỏa. Trong số này có các Đại Tá Soạn, Lương, Thông và tôi, riêng Đại Tá Bảo thì ở lại Trại A Nam Hà cho đến ngày được thả vào năm 1988. Tù nhân bị còng tay hai người chung một còng số 8, đi vệ sinh cũng phải có nhau. Khoảng 21 giờ, tàu rời ga Phủ Lý xuôi Nam, xế trưa hôm sau tàu qua Sông Bến Hải. Tôi ngâm ngùi nhớ đến chiếc cầu Hiền Lương lịch sử đã phân định ranh giới của hai Miền Nam Bắc theo Hiệp Định Genève năm 1954. Giờ đây lá cờ vàng ba sọc đỏ chắc chắn không còn phát phối tung bay ở phía Nam bờ Bến Hải nữa. Có viếng thăm Cầu Hiền Lương trước 30-4-75 thì mới cảm nhận được nỗi xót xa đối với sự vắng bóng của lá Cờ Vàng thân yêu đó.

Buổi chiều tàu qua Cầu Quảng Trị, như một cuốn phim quay chậm, tất cả đưa tôi về với ký ức của 11 năm trước. Dòng Sông Thạch Hãn vẫn còn đó, lạnh lùng, vô cảm như muốn quên đi một thời đã chứng kiến cuộc chiến khốc liệt kéo dài 81 ngày đêm giữa Sư Đoàn Nhảy Dù (SĐND), SĐ/TQLC với các SĐ/CSBV trong cuộc tái chiếm Quảng Trị, trong đó có 51 ngày đêm cuối cùng ( 27-7-1972 đến 16-9-1972 ) LĐ147/TQLC (Đại Tá Nguyễn Năng Bảo LĐT) và LĐ258/TQLC (Đại Tá Ngô Văn Định LĐT) đã tiêu diệt toàn bộ lực lượng phòng thủ trong Thị Xã, tạo nên huyền thoại “Dựng lại Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ” trên Cổ Thành Quảng Trị. Tôi nghe mắt dâng cay trong dư âm khúc hùng ca “Cờ bay, cờ bay oai hùng trên thành phố thân yêu...” của bao ngàn Hồn Thiêng Sông Núi từ Cổ Thành Đinh Công Tráng vắng vẻ, nơi một thời người lính Mũ Xanh đã ngẩng mặt nhìn lá cờ vàng ngạo nghễ tung bay trong gió với bao niềm vui chan hòa nước mắt. Nhưng rồi vận nước đau thương đã khiến những người chiến sĩ hiên ngang ấy phải lui binh, bỏ lại sau lưng vùng đất kiêu hùng này. Đã xa rồi một thuở “súng gươm”, “Dựng

Cờ Giữ Đất”, đã xa rồi “Thạch Hãn” ơi, dòng sông lặng lẽ bắt nguồn từ rừng núi phía Tây, chảy qua Thung Lũng Ba Lòng, Thôn Như Lệ, Thị Xã Quảng Trị, Quận Triệu Phong rồi đổ ra Cửa Việt. Đâu đâu cũng đã từng in đậm dấu giày và ghi bao chiến tích lẫy lừng của Người Lính Mũ Xanh.

Nhìn về phía Tây Nam, xa xa còn ẩn hiện vị trí các căn cứ hỏa lực chưa được phá hủy hoàn toàn mà Sư Đoàn Nhảy Dù đã thiết lập trong giai đoạn đánh lên tái chiếm Thôn La Vang, các Căn Cứ Hỏa Lực Anne và Barbara...

Rồi tàu qua sông Mỹ Chánh, dòng sông đã nhắc nhở tôi lời thề của “người hùng thầm lặng”, Đại Tá TQLC Phạm Văn Chung, LĐT/LĐ/369. Vào thời điểm do tình hình bất buộc, Sư Đoàn 3 Bộ Binh rút lui khỏi Quảng Trị trong trận “Mùa Hè Đỏ Lửa”, ông được Thiếu Tá Cố Vấn Bob Sheridan, hỏi:

–“Đại Tá, mọi người bỏ lui về Nam (tức Huế) cả, LĐT mình thì sao?”

Đại Tá Chung cương quyết trả lời:

–“Không, không! LĐT369/TQLC là LĐT thiện chiến, chúng ta không đi đâu hết, với sự yểm trợ hỏa lực của các anh, chúng tôi sẽ ngăn chặn địch tại đây”.

Câu đáp ấy đã được coi như một lời thề mà không ai còn có thể lập lại cho dù bên bờ Sông Thạch Hãn (Quảng Trị ngày 19-3-1975) hay xa hơn nữa ở những vùng đất phía Nam sau này cho đến ngày 30-4-1975 mất nước.

Tàu tiếp tục vượt qua Sông Bồ (cầu Hiền Sĩ) phía Tây An Lỗ, đây là tuyến phòng thủ của LĐT147/TQLC trong những ngày cuối cùng cho đến khi Quân Đoàn I Tiền Phương ra lệnh bỏ Huế để rút về Thuận An chiều 24-3-1975. Tôi đau lòng nhớ đến những ngày buồn tiếp theo sau đó khi LĐT147/TQLC gặp những “không may” do sự thiếu phối hợp trong vấn đề chỉ huy và tham mưu của cấp Quân Đoàn cho một cuộc rút lui thủy bộ tại Thôn An Đương, để rồi

phải tan hàng vào khuya đêm 26-3-1975.

Con tàu dừng lại ga Huế khá lâu vào lúc tối. Qua các khung cửa sổ của các toa tàu, trong ánh đèn vàng mờ ảo bên sân ga, tôi không ngần được xúc động khi thấy các chị, các em buôn bán hàng rong vẫn còn dành nhiều cảm tình đặc biệt cho những người tù VNCH. Những bao thuốc lá, bánh chưng cột chùm vào nhau, những ổ bánh mì, v.v.. được ném qua khung cửa sổ của các toa tàu như những quà tặng kèm theo những câu mời đầy nghĩa tình “Quân Dân Cá Nước” ngày nào: “Mời các bác, các anh dùng cho đỡ đói, hút thuốc đi cho đỡ lạnh, không phải trả tiền mô v.v...”. trong tiếng quát tháo của công an ngăn cấm đuổi đi.

Hoạt cảnh bi hài đó tưởng không bao giờ có thể xảy ra, nhưng nó đang xảy ra và vẫn còn tiếp diễn ở những ga kế tiếp nữa... Không cần phải nói, tất cả anh em chúng tôi trên tàu đều cảm thấy được niềm an ủi và hạnh phúc to lớn trước tấm lòng ưu ái của người dân xứ Huế nói riêng và người dân Miền Nam nói chung. Nghĩa cử đó đã thể hiện tấm lòng đồng bào Miền Nam vẫn còn giữ mãi hình ảnh người lính VNCH như biểu tượng của Chính Nghĩa và Nhân Ái mà họ không tìm thấy ở người CSBV.

Khoảng 22 giờ hôm sau tức 26-4-1983, tàu dừng lại ga Gia Rai, Xuân Lộc. Có đoàn xe chờ sẵn để chở một số tù trong đó có các Đại Tá Soạn, Thông và tôi vào trại Z30A, riêng Đại Tá Lương thì về Trại B cách Trại A khoảng 3 cây số ngược về hướng Gia Rai.

Sinh hoạt ở trại Z30A, Xuân Lộc, cũng giống như các trại khác mà chúng tôi đã từng trải qua. Cũng vẫn tiếng keng sáng, trưa, chiều, tối. Cũng vẫn chén cơm độn bo bo, ngô, khoai, sắn, với nước muối, thỉnh thoảng được miếng khô, cá hay chút canh rau. Cũng vẫn lãnh cây cuốc mỗi sáng để thể hiện “lao động là vinh quang” theo lời “bác và đảng”. Tuy nhiên lúc

## Thủy Quân Lục Chiến

còn ở ngoài Yên Bái do bộ đội quản lý, thì trại có kế hoạch lao động qui mô hơn nhờ địa thế và hoàn cảnh cho phép. Phần lớn trại bắt tù trồng các loại hoa màu, thậm chí trồng lúa lấy sức người thay trâu kéo cày.

Trại cũng có chương trình đào ao nuôi cá chăm cỏ, đốn cây rừng làm nhà, đóng hòm cho tù, hay bán cho hợp tác xã lấy tiền cho trại “cải thiện” (chữ VC) bữa ăn v.v.. Mỗi tối tù đọc báo cho tù nghe, ai mệt thì vừa nghe vừa ngồi ngủ, miễn đừng để quản giáo bắt gặp thì phải mất công viết kiểm điểm. Có anh đã ngủ lén mà còn ngáy to không khác nào “lạy ông con ở bụi này”. Cứ 6 tháng thì làm kiểm điểm định kỳ một lần, cố gắng viết đúng như lần trước, miễn có chữ “tiên bộ” (chữ VC) thì bài kiểm điểm được đánh giá là có “chất lượng” (chữ VC).

Ít hôm sau, khi hay tin có tôi về trại A Xuân Lộc, Trung Tá Huỳnh Văn Lượm (Tham Muu Trưởng LD258/TQLC cho đến 30-4-75) đến buồng 3 thăm tôi. Lượm thuộc đội nhà bếp, phụ trách các công tác tương đối nặng như chẻ củi, lãnh gạo, gánh nước, làm việc bên ngoài không liên quan đến nấu nướng. Sức khỏe Lượm trông không có vẻ gì bị suy sụp nhiều lắm. Vẫn với đôi mắt buồn buồn, nụ cười ít khi nở trợn trên môi, ít nói, thỉnh thoảng hay lấy tay gãi nhẹ trên đầu như để cố nhớ một điều gì.

Lượm móc túi đưa cho tôi một gói nhỏ được bọc trong bao ni long, bảo tôi để dành ăn vào buổi tối khi thấy đói. Tôi không nở nhận vì tù nào cũng đói như nhau. Tôi bảo Lượm giữ lại đi, tôi không sao đâu. Lượm nói:

- “Không có gì đâu anh, chỉ có mấy miếng bánh in Trung Quốc, nhớ ăn rồi uống nước cho no lâu”.

Lượm tần ngần một chốc rồi để lại “bọc quà” trên bệ xi măng nơi tù làm giường ngủ. Lượm quay lưng bước nhanh. Cũng đáng đi ngày xưa ấy, vai hơi khom về phía trước, lúc nào cũng như có vẻ suy tư, sống về nội tâm

nhiều.

Tại trại A Xuân Lộc, tôi ở buồng 3 phía ngoài, còn sát vách phía trong là buồng 4 dành cho những anh em tù bị “cách ly” (chữ VC) do mang bệnh truyền nhiễm, đa số là bệnh lao phổi. Hai buồng có cùng một sân khá rộng phía trước để tập hợp điếm danh sáng chiều mỗi ngày. Còn sân chung của toàn trại thì lớn hơn, nằm giữa trại, có thể tập hợp từ tám trăm đến một ngàn tù.

Đối diện với buồng 3 và 4 là vách sau của buồng 1 và 2. Mỗi buồng chứa 2 đội tù với nhân số từ sáu đến tám chục. Cũng thế, phía sau buồng 3 và 4, cách cái sân là mặt tiền của buồng 5 và 6 v.v. Tôi hơi ngại bước qua khu vực buồng 4, phần vì sợ bị lây bệnh, phần do nội quy cấm, mặc dù đôi khi cũng tò mò muốn biết những anh em tù bên buồng 4 thuộc thành phần nào. Thỉnh thoảng tôi vẫn thấy có ba anh em trẻ ngồi ăn uống bên nhau dưới bóng cây mít trước sân buồng 4. Họ trông rất hồn nhiên, nói cười vui vẻ.

Tôi băn khoăn tự hỏi sao họ lại có thể “điềm nhiên thế sự” khi chung quanh họ là kềm gai, tường đá và công an? Với bản tính tò mò, một hôm tôi bước đến hỏi thăm và làm quen. Khi câu chuyện bắt đầu thân mật, tôi hỏi về hoàn cảnh từng người và trường hợp nào khiến họ bị bắt vào đây. Tôi được biết tất cả họ đều bị buộc tội “âm mưu lật đổ chính quyền” vì họ nằm trong các tổ chức đấu tranh “dân chủ”, “phục quốc” v.v.. do tổ chức “bị bẻ”, chiến hữu bị bắt khai tên vì chịu không nổi sự tra tấn của công an, hay bị gài bẫy rồi “bắt nguội”.

Tôi chưa hiểu nhiều về đời tư của những người bạn trẻ này, nhưng tôi cảm thương và mến phục họ. Tuy còn non kinh nghiệm để nhận thức một cách tinh tường mục tiêu và đường lối đấu tranh trong bối cảnh tranh tối tranh sáng lúc bấy giờ, nhưng họ có tấm lòng,



bầu nhiệt quyết, dám hy sinh cho lý tưởng của mình. Người trẻ nhất hỏi tôi:

-“Nghe nói các bác bên buồng 3 đều là cấp đại tá từ Bắc chuyển về phải không?”

Tôi không trả lời vội và hỏi lại:

-“Trước 30-4-75 cháu làm gì, có đi lính chưa?”

Anh ta vừa đáp vừa chỉ vào hai người bạn lớn tuổi hơn:

-“Dạ chưa, còn đi học, nhưng ba cháu là sĩ quan, cấp bậc đại úy, chỉ có hai anh này là lính thôi”.

Người lớn tuổi nhất xen vào:

-“Dạ nó là Nghĩa, thấy nó còn nhỏ và do biết ba nó ngày trước cũng cùng chung màu áo với cháu và anh Sáng đây, nên tụi cháu cho nó nhập bọn để diu dặt nó”.

Tôi tò mò hỏi thêm:

-“Các anh phục vụ Binh Chủng nào?”

Sáng đáp:

-“Dạ TQLC”.

Và lần lần qua chuyện trò, tôi biết người lớn tuổi nhất là Trung Sĩ Bái thuộc Viễn Thám TQLC, kế đó là Binh Nhất Hồ Thanh Sáng thuộc ĐĐ5/TĐ2/TQLC và Nghĩa là con của Đại Úy Chung Văn Nghiêm, TĐ2/TQLC, sống ở Tây Ninh. Khi ba người trẻ biết tôi là cấp chỉ huy cũ của họ và của Đại Úy Nghiêm, bố của Nghĩa, họ bước đến nắm chặt tay tôi ngỡ ngàng, xúc động. Bái cho biết thêm ở buồng 2 còn có Chuẩn Úy TQLC tên Hoàng ở Đà Lạt, bị án tử hình nhưng được giảm còn 20 năm khổ sai. Còn ngoài Trại B cũng có Trung Sĩ TQLC Xui Mộc Pầu ở Cái Sắn, Rạch Giá. Hoàng và Pầu cũng nằm trong thành phần Phục Quốc.

Thỉnh thoảng tôi đến thăm Hoàng bên cửa sổ của vách sau buồng 2, tôi yên tâm thấy Hoàng sức khỏe không đến nỗi tệ lắm, tinh thần vẫn “vững vàng”. Còn Xui Mộc Pầu thì thỉnh thoảng cùng với Trung Tá TQLC Nguyễn Đăng Hoà theo toán cổ vũ cho đội bóng chuyền từ Trại B vào đấu với đội của Trại A, để ghé

qua buồng 3 thăm tôi...

Rồi một hôm, ngày 31-3-1984, một ngày buồn cho anh em tù TQLC nói riêng và cho toàn trại nói chung: Trung Tá Lượm “tê” vào chảo nước đang sôi sau khi anh cùng toán nhà bếp chở gạo từ trại B về nhà bếp bằng xe cải tiến (chữ VC). Lúc đó toán phục vụ nấu cơm đang ra cơm để các đội lên nhận về chia cho anh em tù ăn trưa. Khi thấy nước văng lên tung toé từ chảo nước sôi, anh em nhà bếp, do hoảng hốt, thay vì nắm hai tay hai chân khiêng anh ra khỏi chảo, họ lại xúm nhau nắm hai chân Lượm lôi ra khiến đầu của Lượm chìm xuống nước sôi trước khi toàn thân ra khỏi chảo!

Như thường lệ, mỗi ngày Lượm thường mang lon guigoz có làm quai xách, xuống nhà bếp lấy nước sôi pha trà hay cà phê để dành uống. Hôm đó đội chúng tôi lao động gần trại nên được cho về trại ăn cơm trưa. Hay tin tai nạn vừa xảy ra, tôi tức tốc chạy lên bệnh xá của trại để thăm Lượm. Toàn thân Lượm từ đầu đến chân đã được băng bó và để nằm trên cáng khiêng cứu thương. Tôi đến kế bên, nói tên tôi và hỏi thăm Lượm, nhưng Lượm không trả lời, có lẽ anh đang thiếp đi. Ngay chiều hôm đó trại cho chuyển Lượm về nhà thương Biên Hòa và dọc đường thì Lượm đã trút hơi thở cuối cùng.

Có nhiều nghi vấn, bàn tán, suy diễn theo chủ quan của từng người sau cái chết của Lượm. Nhưng tôi không muốn nhắc đến, Lượm đã ra đi rồi, xin để cho anh ấy yên.

Nhớ lại thời gian khi tôi còn là Tiểu Đoàn Trưởng TĐ1/TQLC (1968), anh em chúng tôi đã từng trải qua những ngày sống chết bên nhau ngoài chiến trận hay những ngày vui được về vừa dưỡng quân vừa trực ứng chiến nơi hậu cứ, có đầy đủ các chị Lượm, Phán, Lâm, Châm, Hải (bác sĩ Quân Y/TQLC) v.v.. Chúng tôi quây quần bên nhau trong tình thân gia đình, khi “văn nghệ”, khi ăn uống, chuyện

## Thủy Quân Lục Chiến

gấu. Tôi cảm thấy hạnh phúc khi nhìn những nụ cười trên môi các chị, nhưng cũng có lúc bối rối khi đối diện với vẻ ưu tư của ai đó liên quan đến chuyện tình cảm gia đình. Những ngày ấy, dù vui hay buồn, cũng không bao giờ tìm lại được.

Ngày 13-2-1988, hầu hết số tù nhân các cấp từ ngoài Bắc vô, đều được trại ký giấy thả “đại trà” (chữ VC) về trình diện địa phương theo địa chỉ đã được khai trong phiếu lý lịch. Tôi đến gốc cây mít trước buồng 4 để bắt tay từ già ba người bạn trẻ đang đứng rung rung nước mắt, những giọt nước mắt chứa đựng cả niềm vui lẫn nỗi buồn.

Báu nói với tôi:

–“Thầy về rồi còn ai để dẫn dắt chúng em?”.

Tôi đi một quãng khá xa, ngoảnh mặt nhìn lại mà vẫn thấy họ còn đứng trông theo. Tôi vẫy tay chào lần cuối mà lòng nghe xót xa.

Từ khi về trại A Xuân Lộc, bên gốc cây mít là nơi chúng tôi thường gặp gỡ nhau để uống trà, trò chuyện trong những buổi sáng Chúa Nhật nghỉ lao động. Trong thời gian đó tôi thường nhắn nhủ cho họ thấy rằng bên cạnh những thống khổ của tù đầy còn có niềm hạnh phúc xuất phát từ tình cảm chiến hữu năm xưa gắn bó. Niềm hạnh phúc ấy sẽ giúp họ có đủ nghị lực chịu đựng, vượt qua nỗi khổ đau, quên đi phần nào thời gian kéo dài chờ đợi “ánh sáng cuối đường hầm”. Phải biết giữ gìn và trân quý niềm hạnh phúc ấy và nhất là, dù nay không còn đơn vị nữa, chúng ta cũng đừng làm gì tổn thương đến danh dự và uy tín của Binh Chủng Mũ Xanh.

### ***Đời Lưu Vong.***

Gia đình chúng tôi rời Việt Nam ngày 14-9-92 để đi định cư tại Hoa Kỳ theo Chương Trình HO14. Tôi đau buồn đã phải để Mẹ già ở lại Việt Nam với chị tôi. Bà nói:

–“Con phải đi, còn mẹ thì già rồi, không muốn trở thành gánh nặng cho con nơi xứ

người, hơn nữa mẹ muốn nếu có chết thì được chết trên Quê Hương mình”.

Và mẹ tôi khóc khi nói đến hai tiếng Quê Hương, bà nắm tay tôi như dấu hiệu chia ly lần cuối. Tôi còn nhớ những ngày khi chị và các em tôi còn nhỏ, Bà thường hát những bài có hai tiếng Quê Hương của các nhạc sĩ tiền chiến cho chúng tôi nghe: “Ôi quê hương biết bao triu mến, ôi quê hương biết bao đậm ấm...” như nhắc nhở chúng tôi đừng bao giờ quên nơi chôn nhau cắt rốn. (Bà mất phần năm 1995, sau khi tôi rời Việt Nam được 3 năm. Nơi chôn lưu vong, tôi ôm nỗi đau khóc Mẹ, người đã cho tôi nghe tiếng ru thờ nằm nôi và bóng mát giữa cuộc đời. Ở cõi nào đó thanh thản, chắc Bà đã toại nguyện ước vọng được chết trên Quê Hương mình).

Có những nụ cười, có những dòng lệ, có những nét mặt đăm chiêu, mỗi người một tâm trạng khác nhau khi bước lên phi cơ ra đi sống đời lưu vong nơi xứ người. Từ trên phi cơ nhìn xuống lần cuối cùng hình ảnh Sài Gòn thân yêu với con sông Nhà Bè “nước chảy chia đôi”, với những cao ốc vươn lên trong ánh nắng ban mai rạng rỡ, với những con đường quen thuộc rợp bóng cây xanh, tôi cảm nhận được sự chia ly, mất mát quê hương lần này sẽ lâu dài mà tôi phải gánh chịu trong suốt cuộc đời còn lại.

Sau khi ở tại khu tập trung Thái Lan vài ngày để làm bổ túc thủ tục “thanh lọc” và tái nhám sức khỏe, chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình đến Hoa Kỳ. Khuya ngày 28-9-1992, chúng tôi đến phi trường Quốc Tế, Thành Phố Houston, Texas. Tôi ngạc nhiên và cảm động khi gặp lại các Niên Trưởng và Chiến Hữu ra đón tôi tại phi trường, trong số có Thiếu Tướng Bùi Thế Lân, các Thiếu Tá Lê Quang Liễn (sang Hoa Kỳ trước tôi vài tháng), Lộc, các Đại Úy Tài, Nguyễn Văn Lãm, Nguyễn Văn Thạch, các Trung Úy Lê Châu Khai (sang Hoa kỳ trước tôi vài tháng), Lý Quoanh v.v.

Tình chiến hữu chợt ám trong tôi khi vừa đặt chân trên đất khách. Đó cũng là niềm hạnh phúc đầu tiên trên xứ người giúp tôi vững tin nhìn về tương lai phía trước. Rồi ngày tháng qua, những lo âu phải đương đầu với bao khó khăn trong cuộc sống mới cũng giảm dần tuy có những lúc phải chịu đựng nhiều cam go, cay đắng.

Khi đã có nơi ăn chốn ở và công việc làm tạm ổn định, năm 1993 tôi đi dự Đại Hội/TQLC tại Washington, DC, có sự hiện diện của Đại Tướng Trần Thiện Khiêm, các Trung Tướng Lê Nguyên Khang, Ngô Quang Trưởng, các Chuẩn Tướng Trần Văn Nhựt, Trần Đình Thọ (Phòng 3 BTTM) cùng rất đông chiến hữu và các Cố Vấn cũ trong đó có Trung Tướng Jack Sheehan, Thiếu Tướng E.George Rivers, các Đại Tá Gerry Turley, Don Price, Leo Mills, Carter Phillip Swenson, CW Cobb v.v. Điều thú vị là tôi được gặp Tướng Pháp Jean Louis Deleyan, người đã từng là Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 1 (TĐT/TĐ1) Đổ Bộ năm 1954 (lúc đó ông còn là Đại Úy) trước khi Tiểu Đoàn Đổ Bộ này đổi tên thành Tiểu Đoàn 1/TQLC và được giao lại cho Đại Úy Bùi Phó Chí (năm 1955), trong kế hoạch người Pháp chuyển quyền chỉ huy cho phía Việt Nam.

Năm 1997, tôi về dự Đại Hội TQLC tại Nam Cali, lần này tôi có dịp gặp lại các vị đã từng là cấp chỉ huy cũ của tôi trong Bình Chung như Thiếu Tướng Bùi Thế Lân, Chuẩn Tướng Trần Văn Nhựt, các Đại Tá Tôn Thất Soạn, Hoàng Tích Thông. Ngoài ra còn có các Niên Trưởng (NT) Đại Tá Cổ Tấn Tinh Châu, Phạm Văn Chung, Nguyễn Năng Bảo, các Trung Tá Trần Trung Ái, Lê Ngọc Châu, các Bác Sĩ Quân Y TQLC Nguyễn Văn Thế, Trần Xuân Dũng, Trương Minh Cường, Trần Hùng Hải v.v.. và rất nhiều chiến hữu khác trong đó tôi không thể quên Thiếu Tá Trần Thị Huy Lễ, người luôn luôn có mặt trong những lần Đại

Hội trước cũng như về sau này.

Tại Đại Hội 1997, cựu Trung Tá Trần Thiện Hiệu mãn nhiệm kỳ Tổng Hội Trưởng và bàn giao trách nhiệm lại cho cựu Trung Tá Đoàn Trọng Cao theo đề nghị của toàn thể cử tọa.

Một kỷ niệm đã khiến tôi cảm động trong ngày Tiền Đại Hội là tôi đã gặp lại một chiến hữu mà có lẽ trong TĐ1/TQLC (từ 1960 trở về trước) không ai là không biết tiếng. Đó là Hạ Sĩ Thành với biệt danh là “Thành khi” do anh em đặt cho. Anh thuộc Đại Đội 1, lúc bấy giờ tôi là Trung Úy Đại Đội Trưởng (ĐĐT), Thiếu Úy Hoàng Trọng Độ Đại Đội Phó (ĐĐP). Sở dĩ anh em gọi là “Thành khi” vì anh rất vui tính, hay lí lắc và có biệt tài kể chuyện cười, làm thơ than thân trách phận bởi những trở trêu của cuộc đời, hoặc đọc lại những bức thư tình đơn phương mà anh đã viết cho “người yêu trong mộng tưởng”. Không biết những “bài bản” đó anh đã kể cho anh em nghe bao nhiêu lần rồi mà anh thuộc lâu lâu, không vấp vấp hay thiếu mất một chữ nào. Mỗi lần được nghe, dù nghe lại, ai ai cũng đều thích thú và đồng cảm với các tình tiết trong câu chuyện qua cách diễn tả của anh bằng cử chỉ, nét mặt hay giọng nói. Anh có thể kể chuyện bất cứ ở đâu, dù đang dừng quân nghỉ giải lao hay buổi chiều đóng quân bên xóm làng khi có anh em yêu cầu “giúp vui”.

Trong khi tôi đang chờ để vào phòng họp, Thành đến bắt tay tôi và nói nhỏ:

-“Hay tin anh về dự Đại Hội, em đến chào và thăm anh đây”.

Câu nói tuy ngắn ngủi nhưng sao nghĩa tình sâu đậm quá. Sợ tôi không còn nhận ra anh là ai nên anh nói tiếp:

-“Em là Thành, Thành khi đây”.

Thành mặc bộ complet màu xám nhạt, dù vậy trông anh vẫn còn phàn phật chút “lí lắc” ngày nào, ngoại trừ Thành già đi nhiều, cuộc đời anh chắc đã phải trải qua lắm cảnh “ba

## Thủy Quân Lục Chiến

chìm bẫy nôi”. Chưa kịp hàn huyền tâm sự gì nhiều thì Thành xin tạm biệt. Tôi cố giữ anh lại để nói chuyện thêm vì trên ba mươi năm trời mới gặp lại nhau. Nhưng anh trả lời thật khẽ, vừa để cho mọi người khác đang đứng chung quanh không nghe thấy, vừa như để “khoe” với riêng tôi:

–“Xin lỗi anh, hôm nay em bận có cuộc họp quan trọng với các thành viên trong Ủy Ban Tổ Chức Đấu Tranh... đó anh”.

Rồi anh biến mất giữa đám đông trong khi tôi còn như mơ như tỉnh, thầm hỏi băng quơ: “Thành đã thật sự “đổi lốt” rồi hay vẫn còn là Thành khi năm xưa”?

Sự xuất hiện của Thành khiến tôi nhớ lại một ngày buồn của Đại Đội 3 Tiểu Đoàn 1/TQLC (ĐĐ3/1) vào hạ tuần tháng 2 năm 1960 tại Quận Mỏ Cày, Kiến Hòa. Ngày đó Thành đã khóc sụt sùi như một đứa trẻ khi hay tin Thượng Sĩ Dật bị tử thương. Thành cũng thuộc đơn vị Commando từ Bắc vào Nam cùng với Dật, họ thương nhau như anh em ruột.

Vào thời điểm trên, TĐ1/TQLC đang hoạt động để “giải tỏa” cái gọi là “Phong Trào Đồng Khởi” mà Kiến Hòa, quê hương của Bà Nguyễn Thị Định, được coi như cái nôi của Phong Trào do Việt Cộng (VC) nuôi dưỡng. Đại Đội 2/TĐ1/TQLC (Trung Úy Hoàng Tích Thông ĐĐT) được lệnh vào hành quân xã Phước Hiệp để bảo vệ an ninh cho xã, Đại Đội 3/TQLC (Trung Úy Nguyễn Thế Lương ĐĐT) hoạt động tại xã Định Thủy, giáp ranh và nằm ở phía Bắc xã Phước Hiệp, Đại Đội 4/TQLC (Trung Úy Lê Văn Hiền ĐĐT) hoạt động tại quận Thạnh Phú, Đại Đội 1/TQLC do tôi chỉ huy, hoạt động khu vực Đình Đa Phước Hội trong phạm vi quận lỵ Mỏ Cày, bảo vệ an ninh Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn và dọc theo lộ đi về hướng phà Cổ Chiên chừng một cây số, đồng thời làm trừ bị cho TĐ1.

Khoảng trưa tôi nghe có tiếng súng và

tiếng lựu đạn nổ đi đùng từ hướng xã Định Thủy vọng về. Qua hệ thống truyền tin giữa các đại đội với Tiểu Đoàn, tôi nghe Trung Úy Lương báo về là Trung Đội 1/3 đang chạm súng và mất liên lạc. Lúc bấy giờ Đại Đội 3 (-) đang hoạt động bên cánh phải, cách Trung Đội 1/3 chưa đầy một cây số. Với địa thế sông rạch chằng chịt, rậm rạp đầy mìn bẫy và hầm chông, phải ít lắm cũng một tiếng nữa ĐĐ3 (-) mới đến được vị trí của Trung Đội 1/3 đang chạm địch. Nóng lòng trước sự mất liên lạc của Trung Đội 1/3, Đại Úy Lê Văn Tài, Tiểu Đoàn Trưởng, ra lệnh Trung Úy Trần Văn Nhựt, Tiểu Đoàn Phó, Trung Úy Thu, Trưởng Ban 3 TĐ, toán y tá cùng tháp tùng với tôi và Trung Đội 1 của ĐĐ1 (Thượng Sĩ Chu Văn Ký Trung Đội Trưởng) để đi tiếp ứng. Trung Úy Nhựt giao tôi chỉ huy tổng quát các thành phần này.

Khoảng 15 phút sau, chúng tôi đã có mặt tại bờ sông sát bên dinh quận Mỏ Cày, ở đó đã có sẵn chiếc ghe gổ lớn có gắn máy, có thể chở nguyên Trung Đội, do Thượng Sĩ Sek Suk làm tài công. Khoảng 15 phút sau chúng tôi đến một nhánh sông nhỏ bên tả ngạn, đổ quân xuống, và di chuyển dọc theo nhánh sông nhỏ khoảng 200 thước thì đến nơi chạm súng. Địa điểm địch phục kích cách quận lỵ chừng hơn 1 cây số đường chim bay. Lúc đó địch đã rút, tôi cho Trung Đội 1/1 lục soát dọc theo nhánh sông nhỏ thêm vài trăm thước rồi dừng lại. Trung Úy Nhựt và tôi ở lại lo việc tản thương cho khoảng 6 anh em thương vong (trong số tử vong có Thượng Sĩ Phạm Khắc Dật, Trung Đội Trưởng). Số địch lần trốn về xã Phước Hiệp đã bị Đại Đội 2 tiêu diệt phần lớn trong những ngày kế tiếp và Trung Úy Lê Ngọc Châu Đại Đội Phó ĐĐ2 (ĐĐP/ĐĐ2) là người “góp công” không ít trong việc này nên biệt danh “Châu Phước Hiệp” ra đời để ám chỉ Trung Úy Châu kể từ đó.



Với lòng ngưỡng mộ tinh thần trách nhiệm, sự can đảm và tình yêu thương đồng đội của Thượng Sĩ Dật, tôi xin được kể lại trận bị phục kích này với những gì tôi đã góp nhặt được, không thêm bớt, để mọi người lưu giữ mãi hình ảnh hào hùng của một người Trung Đội Trưởng TQLC. Các anh em trong Trung Đội 1/3 thuật lại tại chỗ như sau:

-“Vào buổi trưa, khi di chuyển đến một cây cầu khi, Thượng Sĩ Dật cho một tiểu đội qua bên kia cầu trước, phần Trung Đội còn lại dừng bên này cầu. Tất cả bố trí tại chỗ để ăn cơm trưa. Nửa giờ sau Dật cho lệnh bắt đầu di chuyển. Khi tiểu đội đầu di chuyển được vài chục thước thì địch khai hỏa. Tiếng địch hô xung phong cùng lúc nhiều tên địch từ các bụi rậm đồng loạt nhảy ra dùng mã tấu tấn công quân ta. Lần đầu bị phục kích độn thổ, anh em hơi mất bình tĩnh nhưng vẫn nhanh chóng phản ứng chống cự. Thượng Sĩ Dật lập tức phóng nhanh qua cầu khi và ra lệnh phần còn lại chạy theo anh ta để tiếp cứu tiểu đội đang chạm địch. Tuy nhiên hỏa lực địch đã chế ngự cầu khi, Dật may mắn thoát qua khỏi cầu và chạy về phía trước. Liên khi đó vài tên địch nhảy ra chặn đường, dùng mã tấu xông vào chém anh. Với khẩu súng lục trên tay, anh đã hạ ba tên địch, nhưng rồi khi súng hết đạn thì những tên địch khác nhảy vào tiếp tục tấn công anh, không để cho anh kịp nạp băng đạn kế tiếp. Lúc bấy giờ anh em không thể tác xạ vào nơi đang có hỗn chiến vì sợ Dật bị trúng đạn, mà chỉ tác xạ vào các bụi rậm hai bên đường để chặn địch. Dật một mình “tả xung hữu đột” cố thoát khỏi vòng vây. Trong tình thế nguy ngập, Dật đã dùng mũ sắt để làm vũ khí chống đỡ những nhát mã tấu lợi hại chém xả vào người anh, đồng thời anh cũng dùng chân đá vào bụng kẻ địch trong các thế võ có bài bản. Dật có vóc người cao ráo, mình dầy, nên xoay trở gọn gàng. Nhưng “mãnh hổ nan địch quần

hồ”, Dật đã bị nhiều vết thương và ngã quỵ sau khi chống cự không quá một phút”.

Những ngày tôi còn làm Đại Đội Phó cho Trung Úy Lương, tôi thường được lệnh theo Trung Đội của Thượng Sĩ Dật hoặc của Trung Sĩ Nhất Nguyễn Duy Xương hoạt động riêng rẽ tại các xã Bình Khánh, xã Đại Điền trong khi BCH/ĐĐ3 đóng tại Cầu Mống trên đường đi về quận Thạnh Phú.

Đã từng chỉ huy đại đội trong hơn 3 năm khi còn phục vụ ngoài Bộ Binh, tôi nhận thấy Dật cũng như Xương là những Hạ Sĩ Quan Trung Đội Trưởng có đầy đủ khả năng chỉ huy, phản ứng nhanh chóng trong mọi tình huống và nhất là được anh em trong Trung Đội mến phục, vì họ biết tất cả những gì họ phải làm một cách thuần thục.

Cũng như Dật và Xương, những Trung Đội Trưởng của Đại Đội 1 do tôi chỉ huy, đều xuất thân từ các đơn vị Commando ngoài Bắc như Trung Sĩ Nhất Đặng Đoan (Trung Đội Chỉ Huy), Thượng Sĩ Chu Văn Ký (Trung Đội 1), Trung Sĩ Nhất Sam Buru Vần (Trung Đội 2) và Trung Sĩ Nhất Kiều Công Tuyết (Trung Đội 3). Họ là những hạ sĩ quan can đảm, có đầy đủ kinh nghiệm chỉ huy và chiến đấu.

Hôm nay nhắc lại trận phục kích của địch tại xã Định Thủy, tôi xin nghiêng mình thấp nén hương lòng tưởng nhớ người anh hùng tên Dật, một trong số rất nhiều anh hùng TQLC khác mà trong khuôn khổ bài viết này tôi không thể kể lại hết. Tôi ghi lại câu chuyện này cũng vì ít anh em biết được vì sao doanh trại của TĐ1/TQLC tại Rừng Cấm, Thủ Đức, mang tên Phạm Khắc Dật và Dật là ai, đã hy sinh như thế nào.

### **Mơ Ước Cuối Đời.**

Mùa Thu êm ả ra đi, mùa Đông khắc nghiệt sông sộc kéo về, mang theo cơn rét buốt bao trùm lên cánh rừng trơ trụi lá. Tiếng chim hót bên ngoài cũng đã im bật. Lũ chim đã bay đi

## Thủy Quân Lục Chiến

tìm nơi nào ấm áp hơn, quên đi chốn cũ. Ngoài khung cửa sổ nhạt nhòa hơi nước, người lính già cảm thấy cảnh vật quen thuộc bên ngoài giờ như đã lùi xa, mờ ảo, khiến ông càng thêm thía nỗi cô đơn của kẻ lưu vong, càng ngán ngấm tình đời đen bạc, thay trắng đổi đen trên mảnh đất tạm dung này.

Ông chợt nhớ đến các con. Giáng Sinh cũng đã qua rồi mà những đứa con nơi xa năm nay cũng chưa thấy về thăm bố mẹ. Ông nhớ ngày nào khi mới qua Mỹ, những đứa con ấy không lúc nào xa rời bố mẹ vì chúng ý thức được rằng tổ ấm gia đình chính là nơi chúng trông cậy và nương tựa vào để mai đây chúng sẽ được chấp cánh ước mơ.

Bằng sự cần cù “một nắng hai sương”, chất chiu “nhịn mưa nhịn nắng” của bố mẹ, giờ chúng đã đủ lông đủ cánh “bay xa” thật sự rồi. Dù ở nơi đâu, bố mẹ cũng vẫn là người nhớ đến các con nhiều hơn các con nhớ đến bố mẹ. Những khi chúng “vấp ngã” trở về, người mẹ luôn là người đầu tiên dang rộng đôi cánh tay yếu mềm để đón nhận, an ủi, bảo vệ các con. Đôi lúc ông định bán căn nhà vắng lặng này để mua căn nhà vừa đủ cho hai vợ chồng già ở. Nhưng bà vẫn khẳng khái:

-“Để các con có về thăm thì chúng có chỗ tạm nghỉ ngơi”.

Tấm lòng của mẹ như thế đó... Ông cảm thấy xót xa nhớ đến mẹ già, người đã nhắc nhở ông hai tiếng Quê Hương khi ông ra đi. Hình bóng lũy tre xanh, dòng sông êm đềm, cánh đồng xanh bát ngát... tuy đơn sơ, bình dị nhưng là những nét chấm phá mang ý nghĩa sâu đậm của yêu thương, bình yên và hạnh phúc. Những hình bóng ấy lúc nào cũng chiếm vị trí quan trọng trong tim ông, giúp ông có nhiều nghị lực, cảm hứng đứng lên và bước tới. Ông luôn mơ ước một ngày được nhìn thấy Quê Hương chan chứa tình người, ấm áp Tự Do, Dân Chủ, một Quê Hương không còn u ám “chập chờn

bóng ma CS”.

Với tình hình trong nước đang có những biến chuyển thuận lợi, ông hy vọng tuổi trẻ và toàn dân không lâu sẽ đứng lên xóa tan bóng mây đen tối ấy, khi đó mới có một ngày về không phải “áo gấm về làng” mà là ngày về đích thực đúng nghĩa.

Ông sẽ về, nếu còn sống, để trở lại thăm các chiến trường xưa, thấp lènh nén hương lòng tưởng nhớ bên những nấm mộ hoang của đồng đội, đi thăm anh em Thương Phế Binh đã phải chịu sống âm thầm tủi nhục từ mấy chục năm qua dưới chính sách kỳ thị của CS, và nhất là để tạ tội cùng đồng bào vì “Quân Đội” đã không bảo vệ được Miền Nam yêu dấu.

Ông từ từ ngả lưng trên ghế, mơ màng lắng nghe tiếng hát của ca sĩ Duy Khánh: “Người lính già xa quê hương, nghe trong tim đêm ngày trăn trở...” đang phát ra từ chiếc TV dưới phòng khách, đôi mắt lim dim, ông chìm dần trong giấc ngủ...

Mong ông sẽ tìm thấy bóng dáng Quê Hương êm đềm nơi đó thấp thoáng hình ảnh Mẹ già yêu thương trong giấc mơ./.

### Mũ Xanh Tango

